

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BUÔN ĐƠN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 10/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 22 tháng 10 năm 2018

“V/v không công nhận vợ chồng”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BUÔN ĐƠN, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Trọng Hối

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Thu – P.Chủ tịch UBND xã Tân Hòa, huyện Buôn Đơn
2. Bà Nông Thị Lan - Chủ tịch HĐND xã Cuôrknia, huyện Buôn Đơn

Thư ký phiên toà: Ông Đinh Ngọc Lương – Thư ký Toà án nhân dân huyện Buôn Đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đơn tham gia phiên toà: ông Ngụ Văn Minh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Buôn Đơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 142/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2018 về việc “Không công nhận vợ chồng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2018/QĐXX-ST ngày 03 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Ngọc Văn A - sinh năm 1973
Địa chỉ: Thôn X, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Cao Thị H – sinh năm 1975
Địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: thôn Y, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (bị tuyên bố mất tích theo quyết định số 03/2018/QDDĐ-ST ngày 16/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đơn).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 31/8/2018 và tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn ông Ngọc Văn A trình bày:

Ông và bà Cao Thị H tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 1992, không đăng ký kết hôn do không hiểu biết pháp luật. Trong thời gian chung sống vợ chồng đã có với nhau 03 con chung là Ngọc Thị T – sinh năm 1994, Ngọc Thị Th – sinh năm 1996 và Ngọc Văn Th – sinh ngày 01 tháng 3 năm 2000. Do tính tình không hợp và bất đồng quan điểm nên giữa hai vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, không thương yêu, quý trọng chăm sóc, giúp đỡ nhau, thường xuyên cãi vã, mắng chửi nhau, xúc phạm đến danh dự nhân phẩm uy tín của nhau. Từ tháng 9 năm 2015 bà Cao Thị H bỏ đi biệt tích khỏi địa phương và bị tuyên bố mất tích theo quyết định số 03/2018/QĐDS-ST ngày 16 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn. Đến nay, gia đình vẫn không có tin tức gì của bà Cao Thị H. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông yêu cầu Toà án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông với bà Cao Thị H.

Về con chung, cháu Ngọc Thị T và Ngọc Thị Th đã trưởng thành lập gia đình ra ở riêng, cháu Ngọc Văn Th hiện đang ở cùng với ông Ngọc Văn A, đã đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên Tòa đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk phát biểu ý kiến về vụ án và về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng trình tự tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Nhìn chung vụ án đã được thụ lý và xét xử đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Ngọc Văn A và bà Cao Thị H; về con chung: Con chung đã đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động, đương sự không có yêu cầu nên đề nghị không xem xét giải quyết; về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết; về án phí: Đương sự ông Ngọc Văn A phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, sau khi nghe nguyên đơn trình bày và yêu cầu, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Ngọc Văn A yêu cầu Tòa án giải quyết việc không công nhận quan hệ vợ chồng với bà Cao Thị H là quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc trường hợp không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 8 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông A và bà H đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn X, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn theo quy định khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Tháng 9 năm 2015 bà Cao Thị H bỏ đi biệt tích khỏi địa phương, ông Ngọc Văn A yêu cầu Tòa án tuyên bố mất tích đối với bà Cao Thị H. Tại quyết định số 03/2018/QĐDS-ST ngày 16 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn đã tuyên bố mất tích đối với bà Cao Thị H. Do đó, Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Ngọc Văn A và bà Cao Thị H theo yêu cầu của một bên.

[2] Về nội dung vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa ông Ngọc Văn A và bà Cao Thị H là việc nam nữ tổ chức cuộc sống chung và coi nhau là vợ chồng, có con chung nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật thì được coi là nam nữ chung sống như vợ chồng và được giải quyết hậu quả theo Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015. Từ tháng 9 năm 2015 bà Cao Thị H bỏ đi biệt tích khỏi địa phương và đã bị Tòa án tuyên bố mất tích. Nên cần chấp nhận yêu cầu không công nhận vợ chồng của ông Ngọc Văn A là phù hợp với khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Về con chung: Xét thấy, con chung là các cháu Ngọc Thị T và Ngọc Thị Th đã trưởng thành lập gia đình ra ở riêng, cháu Ngọc Văn Th – sinh ngày 01 tháng 3 năm 2000 đã đủ tuổi thành niên, có khả năng lao động nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Ông Ngọc Văn A không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Ông Ngọc Văn A khai không có nợ chung nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Ông Ngọc Văn A phải chịu án phí HNGĐ-ST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 8 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; 147 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Ngọc Văn A. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Ngọc Văn A và bà Cao Thị H.

Về con chung: Các con chung đều đã thành niên nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không đề cập giải quyết.

Về án phí: Ông Ngọc Văn A phải nộp 300.000đồng tiền án phí HNGĐ-ST nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí HNGĐ-ST ông A đã nộp theo biên lai số: 0002988 ngày 10 tháng 09 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Buôn Đôn. Ông Ngọc Văn A đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo theo luật định trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo theo luật định trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKS huyện Buôn Đôn;
- Toà án tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(đã ký)

Nguyễn Trọng Hối